

BỘ NỘI VỤ
CỤM THI ĐUA
CÁC TỈNH, THÀNH
MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2022

Số: /QĐ-CTĐMTTN

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động và bình xét thi đua
của Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên

CỤM TRƯỞNG CỤM THI ĐUA
CÁC TỈNH, THÀNH MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Thực hiện Công văn số 1237/BNV-VP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn và phát động phong trào thi đua năm 2022;

Theo đề nghị của các đơn vị thành viên trong Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động và bình xét thi đua của Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị thành viên trong Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Hội đồng TĐKT Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, VP.

TM. CỤM THI ĐUA
CỤM TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH
Lê Minh Tuấn

BỘ NỘI VỤ
CỤM THI ĐUA
CÁC TỈNH, THÀNH
MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động và bình xét thi đua
của Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CTĐMTTN ngày tháng năm 2022
của Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức, trách nhiệm, tiêu chí đánh giá, thang điểm, phương pháp chấm điểm và bình xét thi đua của Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên.

2. Thành viên của Cụm thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên (sau đây viết tắt là Cụm Thi đua) gồm 11 thành viên là Sở Nội vụ các tỉnh: Bình Định, Lâm Đồng, thành phố Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum, Đắk Nông, Gia Lai, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Phú Yên.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Cụm Thi đua

1. Cụm Thi đua làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của Cụm trưởng, Cụm phó và các thành viên trong Cụm Thi đua.

2. Đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết và cùng phát triển, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Chương II
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG,
TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CỤM THI ĐUA

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và hoạt động

1. Cụm Thi đua gồm có Cụm trưởng, 01 Cụm phó và các đơn vị thành viên.

Cụm trưởng - Sở Nội vụ tỉnh Bình Định; Cụm phó - Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng. Hết nhiệm kỳ, Cụm trưởng, Cụm phó bàn giao nhiệm vụ cho Cụm

trưởng, Cụm phó của năm sau, để tiếp tục điều hành hoạt động thi đua của Cụm thi đua.

2. Quy chế hoạt động của Cụm Thi đua do Cụm trưởng, Cụm phó (năm đương nhiệm) xây dựng dự thảo, các đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua góp ý thống nhất thông qua để triển khai thực hiện.

3. Cụm trưởng, Cụm phó được sử dụng con dấu của đơn vị mình làm cơ sở pháp lý cho các văn bản phục vụ hoạt động của Cụm Thi đua.

4. Bộ phận giúp việc cho Cụm trưởng, Cụm phó và các đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua là Văn phòng Sở Nội vụ các tỉnh, thành.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cụm trưởng, Cụm phó, các đơn vị thành viên và Bộ phận giúp việc

1. Cụm trưởng

a) Xây dựng Quy chế hoạt động của Cụm Thi đua, xây dựng nội dung, tiêu chí thi đua, thang điểm phù hợp với đặc điểm của Cụm Thi đua và hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nội vụ.

b) Tổ chức phát động phong trào thi đua và ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị trong Cụm Thi đua.

c) Chủ trì, phối hợp với Cụm phó tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng và tổng kết hoạt động của Cụm Thi đua; tổng hợp, chấm điểm thi đua, bình chọn, suy tôn và lập thủ tục đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho các tập thể, cá nhân trong Cụm Thi đua theo quy định.

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nội vụ theo quy định.

đ) Tổng hợp các kiến nghị, đề xuất về công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết.

e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên trong Cụm Thi đua.

2. Cụm phó

Phối hợp với Cụm trưởng xây dựng Quy chế hoạt động của Cụm Thi đua, chấm điểm thi đua, bình xét, suy tôn các tập thể, cá nhân; thay mặt Cụm trưởng giải quyết những công việc khi Cụm trưởng ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên trong Cụm Thi đua.

3. Các đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua

a) Đăng ký các nội dung, chỉ tiêu thi đua hằng năm với Cụm trưởng và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nội vụ theo quy định.

b) Tham gia góp ý xây dựng các nội dung, tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của Cụm thi đua; tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Cụm thi đua.

c) Phát hiện, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

d) Thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua; định kỳ báo cáo sơ kết 6 tháng, tổng kết năm. Kết quả tự chấm điểm thi đua theo Quy chế hoạt động của Cụm với các nội dung, tiêu chí thi đua đã ký kết và báo cáo về Cụm trưởng theo đúng thời gian quy định.

4. Bộ phận giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó

Tham mưu dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, chuẩn bị nội dung và các điều kiện, tham mưu tổ chức các hoạt động của Cụm Thi đua; chuẩn bị các nội dung hội nghị sơ kết, tổng kết của Cụm Thi đua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Cụm thi đua làm việc theo chế độ tập thể và nguyên tắc tập trung dân chủ, những ý kiến chưa được thống nhất trong Cụm thi đua, Cụm trưởng báo cáo xin ý kiến quyết định của Bộ Nội vụ và thông báo lại cho các thành viên trong Cụm thi đua.

2. Chế độ làm việc

Cụm thi đua tổ chức hội nghị ít nhất 02 lần trong năm:

- Hội nghị sơ kết thi đua 06 tháng đầu năm (do Cụm phó tổ chức): Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đăng ký trong 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 06 tháng cuối năm.

- Hội nghị tổng kết năm (do Cụm trưởng tổ chức): Đánh giá kết quả thực hiện giao ước thi đua trong năm của Cụm thi đua; phổ biến mô hình mới, cách làm hay; thông báo kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua của các đơn vị thành viên, bình xét, suy tôn đề nghị khen thưởng; giới thiệu và bầu Cụm trưởng, Cụm phó năm sau; Cụm trưởng (năm sau) phát động phong trào thi đua và thông qua dự thảo nội dung ký kết giao ước thi đua; ký kết giao ước thi đua.

- Khi có công việc cần triển khai mà không có điều kiện tổ chức họp; Cụm trưởng có thể gửi văn bản lấy ý kiến của các thành viên trong Cụm trước khi quyết định.

Tùy theo đặc điểm tình hình thực tế, các hoạt động của Cụm thi đua có thể thay đổi cho phù hợp.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

- Nội dung đăng ký thi đua, chỉ tiêu kế hoạch trong năm về Cụm trưởng sau 03 ngày Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn và phát động phong trào thi đua năm 2022.

- Báo cáo sơ kết 6 tháng gửi trước ngày 15/6.

- Báo cáo tổng kết năm và kết quả tự chấm điểm gửi trước ngày 30/11.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất cho Bộ Nội vụ theo quy định.

Chương III **QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM** **QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ BÌNH XÉT THI ĐUA**

Điều 6. Tiêu chí, thang điểm đánh giá

Được quy định cụ thể trong Bảng điểm đánh giá thi đua (có Phụ lục kèm theo).

Điều 7. Nguyên tắc và phương pháp chấm điểm

1. Nguyên tắc chấm điểm: Trên cơ sở kết quả đăng ký giao ước thi đua, thang bảng điểm và phương pháp chấm điểm đã được Cụm thi đua thống nhất. Các đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua tự chấm điểm đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng theo Bảng điểm đánh giá thi đua và chịu trách nhiệm đối với bảng điểm của đơn vị mình.

2. Phương pháp chấm điểm

a) Các thành viên trong Cụm thi đua tự chấm điểm theo các tiêu chí và gửi về Cụm trưởng kèm theo tài liệu minh chứng theo đúng thời gian quy định.

b) Cụm trưởng tổng hợp, rà soát việc chấm điểm của các thành viên theo quy chế và trao đổi thống nhất kết quả với các thành viên trong Cụm Thi đua. Thông báo kết quả đánh giá chấm điểm và tiến hành tổ chức bình xét thi đua.

3. Quy định về một số nội dung điểm thưởng và điểm trừ như sau:

a) Điểm thưởng

- Đối với các thành viên trong Cụm thi đua có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong việc tổ chức phong trào thi đua, đem lại hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ: **15 điểm**.

- Đối với các thành viên trong Cụm thi đua có Kế hoạch phát động Phong trào thi đua thực hiện cải cách hành chính và được Hội đồng thẩm định Chỉ số

cải cách hành chính tỉnh đánh giá, xếp loại nằm trong nhóm Tốt của Khối các sở, ngành của tỉnh: **15 điểm**.

- Đối với các thành viên trong Cụm có gương Điển hình tiên tiến là người lao động trực tiếp được khen thưởng cấp Nhà nước: **10 điểm**

- Đối với các thành viên trong Cụm thi đua trong năm có các cá nhân, tập thể được cấp bộ, ngành khen thưởng chuyên đề, đột xuất: **10 điểm**

b) Điểm trừ

- Các thành viên trong Cụm thi đua trong năm chưa kịp thời ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng theo quy định hiện hành; không thực hiện đầy đủ Quy chế hoạt động của Cụm thi đua: **trừ 10 điểm**.

- Các thành viên trong năm thực hiện đầy đủ các báo cáo (6 tháng, năm, báo cáo kết quả tự chấm điểm) nhưng bị trễ so với thời gian quy định: **trừ 10 điểm**.

Điều 8. Bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng

1. Số lượng bình bầu, suy tôn khen thưởng

Thực hiện theo hướng dẫn và phát động phong trào thi đua của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

a) Về tập thể: Cụm Thi đua bình chọn 01 đơn vị dẫn đầu xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ tặng Cờ thi đua và 04 đơn vị tiếp theo đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Về cá nhân: Mỗi đơn vị được xét tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ thì được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho 02 cá nhân.

2. Quy trình bình bầu, suy tôn khen thưởng

- Căn cứ vào điểm kết quả thi đua được quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy chế này, Cụm Thi đua bình chọn, suy tôn 01 đơn vị dẫn đầu xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ tặng Cờ thi đua.

- Cụm Thi đua bình chọn 04 đơn vị có điểm thi đua cao tiếp theo đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Trường hợp trong cùng một mức khen thưởng có từ 02 đơn vị trở lên có điểm kết quả thi đua bằng nhau, tùy tình hình thực tế Cụm trưởng sẽ xin ý kiến của các thành viên trong Cụm thông qua các hình thức cho phù hợp. Trong trường hợp sau khi xin ý kiến của thành viên trong Cụm mà có kết quả bằng nhau thì chọn đơn vị có tổng số điểm thưởng lớn hơn. Trường hợp tổng số điểm thưởng bằng nhau thì Cụm trưởng quyết định đơn vị đề nghị suy tôn khen thưởng.

3. Các trường hợp không đề nghị khen thưởng

- Không đăng ký thi đua từ đầu năm.
- Đơn vị có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra về những sai phạm trong hoạt động của đơn vị.
- Đơn vị có lãnh đạo từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

4. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội nghị tổng kết, các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải hoàn thành hồ sơ khen thưởng gửi về Cụm trưởng để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nội vụ theo quy định.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 9. Quy chế này được các đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua thảo luận thống nhất thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung nào chưa phù hợp, sẽ được bổ sung, sửa đổi sau khi có ý kiến đề nghị của 2/3 đơn vị thành viên trong Cụm Thi đua, được Cụm trưởng đương nhiệm ký ban hành và có hiệu lực áp dụng ngay trong năm đó./.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ-CTĐMTTN ngày / /2022 của
Cục thi đua các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Ghi chú
I	Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao trên các lĩnh vực Nội vụ	750			
1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các Bộ, ban, ngành ban hành	20			Có các văn bản triển khai thực hiện phân cấp
2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã (có thực hiện theo đúng quy định), xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra (các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý)	20			Ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả kiểm tra
3	Tổ chức bộ máy	50			Các Báo cáo
3.1	Sắp xếp lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, thành theo khung số lượng tối đa theo phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh	10			
3.2	Sắp xếp lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo khung số lượng phòng tối đa theo phân loại đơn vị hành chính cấp huyện	10			
3.3	Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong sở, ban, ngành	10			

3.4	Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.	10			
3.5	Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	10			
4	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	40			Các báo cáo
4.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính (<i>nếu số biên chế hành chính của tỉnh, thành đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao được tính điểm tối đa; nếu vượt quá thì không được tính điểm</i>)	20			
4.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập (<i>không vượt quá so với tổng số biên chế sự nghiệp được giao hàng năm được tính điểm tối đa; nếu vượt quá thì không được tính điểm</i>)	20			
5	Tình giảm biên chế	30			
5.1	Tuyên truyền, quán triệt và đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tình giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tình giảm biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của	10			

	Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP				
5.2	Tỷ lệ giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021; từ 10% trở lên được tính tối đa 20 điểm; dưới 10% thì điểm được tính bằng tỷ lệ % giảm x 20/(10%)	20			Báo cáo
6	Đề án vị trí việc làm	60			Các Báo cáo
6.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố hoàn thành việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm (tỷ lệ đạt 100% được tính 30 điểm, từ 70% đến dưới 100%) tính 20 điểm, từ 50% đến dưới 70%) tính 15 điểm, dưới 50% không tính điểm)	30			
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt đề án vị trí việc làm gắn với bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm (tỷ lệ đạt 100% được tính 30 điểm, từ 70% đến dưới 100% tính 20 điểm, từ 50% đến dưới 70% tính 15 điểm, dưới 50% không tính điểm)	30			
7	Tuyển dụng công chức, viên chức	40			Các báo cáo liên quan
7.1	Tuyển dụng công chức hành chính, công chức quận làm việc tại UBND phường và công chức xã (đảm bảo thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng và phòng chống tiêu cực)	20			
7.2	Tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thành phố (đảm bảo thực hiện đúng quy định, công khai,	20			

	<i>minh bạch, nâng cao chất lượng và phòng chống tiêu cực)</i>				
8	Quản lý ngạch công chức, viên chức	40			Các báo cáo liên quan
8.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức (<i>đúng quy định, công khai, minh bạch và phòng chống tiêu cực)</i>	20			
8.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức (<i>đúng quy định, công khai, minh bạch và phòng chống tiêu cực)</i>	20			
9	Thực hiện bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo đúng quy định	20			Các báo cáo liên quan
10	Số lượng cấp phó của các tổ chức hành chính thực hiện đúng quy định hiện hành	20			Các báo cáo liên quan
11	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức (<i>đảm bảo đúng quy định, gắn với tiêu chí định lượng trên cơ sở vị trí việc làm, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai đối với cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, khắc phục hiện tượng nể nang, hình thức trong đánh giá,...)</i>	30			Các báo cáo
12	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch (<i>tỷ lệ đạt 100% được tính 20 điểm, từ 80% đến dưới 100% tính 15 điểm, từ 70% đến dưới 80% tính 10 điểm; từ 60% đến dưới 70% tính 5 điểm, dưới 60% không tính điểm)</i>	20			Ban hành Kế hoạch và Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo KH
13	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức quận làm việc tại UBND phường và công chức xã	40			Báo cáo
13.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của , công chức quận làm việc tại UBND	20			

	phường và công chức xã (tỷ lệ đạt 100% được tính 20 điểm, từ 80% đến dưới 100% tính 15 điểm, từ 60% đến dưới 70% tính 10 điểm, dưới 60% không tính điểm)				
13.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã (tỷ lệ đạt 100% được tính 20 điểm, từ 80% đến dưới 100% tính 15 điểm, từ 60% đến dưới 70% tính 10 điểm, dưới 60% không tính điểm)	20			
15	Quản lý công tác địa giới hành chính; hiệp thương, giải quyết dứt điểm tranh chấp, vướng mắc địa giới hành chính với các tỉnh, thành phố có liên quan và xử lý các tuyến trong nội bộ	40			Các văn bản có liên quan
16	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh, thành về đánh giá, xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh (có văn bản, đề án, quy định...)	30			Các văn bản triển khai thực hiện
17	Cải cách hành chính. Đơn vị có số điểm cao nhất trong 11 tỉnh thành thì được 10 điểm. - Các đơn vị còn lại tính theo công thức: Số điểm = (Điểm kết quả CCHC*10)/ Điểm kết quả CCHC của tỉnh, thành cao nhất.	50			Lấy kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ chấm cho các địa phương năm liền kề trước năm đánh giá
18	Tham mưu triển khai Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ về cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách phường, xã tổ dân phố, thôn	40			Các Quyết định, quy định
18.1	Tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Nghị quyết, Quyết định liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã	20			
18.2	Tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Nghị quyết, Quyết định liên quan đến những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố	20			

19	Có xây dựng các văn bản triển khai thực hiện các quy định của Trung ương về quản lý nhà nước về công tác thanh niên	20			Các văn bản triển khai
20	Có phối hợp tham mưu Lãnh đạo UBND tỉnh về tổ chức Hội nghị đối thoại với thanh niên theo quy định	20			Văn bản, Kế hoạch triển khai thực hiện
21	Xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra với tỷ lệ đạt 30% theo quy định (ban hành trước ngày 31/12 của năm trước)	20			Kế hoạch và báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra
21.1	Có ban hành Kế hoạch và Triển khai thực hiện 100% các cuộc thanh tra theo Kế hoạch	20			
21.2	Ban hành Kế hoạch chậm so với thời gian quy định	15			
21.3	Triển khai và kết thúc các cuộc thanh tra theo Kế hoạch dưới 90%	0			
22	Tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ	20			Các Văn bản triển khai thực hiện
22.1	Có đầy đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các quy định của Nhà nước và tỉnh, thành phố về công tác văn thư, lưu trữ đến các cơ quan, địa phương trên địa bàn	20			
22.2	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các quy định của Nhà nước và tỉnh, thành phố về công tác văn thư, lưu trữ đến các cơ quan, địa phương trên địa bàn nhưng không đầy đủ (cơ quan có thẩm quyền có văn bản chỉ đạo nhưng Sở Nội vụ triển khai không đầy đủ)	15			
22.3	Không có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai	0			
23	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tôn giáo	20			
23.1	Thực hiện các báo cáo gửi Ban Tôn giáo Chính phủ đúng thời gian quy định	5			Các báo cáo
23.2	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tôn giáo cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo; cán	5			Các văn bản triển khai thực hiện, Kế hoạch tổ chức tập huấn...

	bộ, hội viên của các đoàn thể chính trị - xã hội; các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo thông qua các hình thức mở lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.				
23.3	Hướng dẫn, giải quyết kịp thời các đề nghị tôn giáo của cá nhân, tổ chức tôn giáo theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phối hợp với các ngành chức năng nắm bắt thông tin, tình hình hoạt động để chủ động xử lý những vấn đề tôn giáo phát sinh và hành vi trái pháp luật.	5			Các văn bản có liên quan
23.4	Thường xuyên giữ mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo; tổ chức thăm hỏi, chúc mừng nhân các ngày lễ lớn, lễ trọng của các tổ chức tôn giáo	5			
24	Công tác thi đua, khen thưởng	50			Các báo cáo, Kế hoạch
24.1	Tham mưu triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn và chủ trương mới liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của Trung ương (nếu triển khai chậm trên 45 ngày văn bản trung ương thì đạt 0.25 điểm, không triển khai thì 0đ)	25			
24.2	Tham mưu UBND cấp tỉnh thường xuyên củng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp tỉnh khi có thay đổi nhân sự và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp tỉnh	5			
24.3	Có tham mưu UBND cấp tỉnh tổ chức các phong trào thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề (thiếu 01 phong trào trừ 0.2 điểm)	10			
24.4	Có xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện	5			
24.5	Có Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát gửi Ban TĐKT Trung ương	5			
25	Hồ sơ trình khen thưởng đúng hạn, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy	10			Sẽ tham chiếu Báo cáo kết quả của Ban Thi đua Khen thưởng

	định (<i>hồ sơ nộp chậm 01 ngày trừ 0,5 điểm đến hết điểm chuẩn của tiêu chí</i>)				
II	Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (công tác nội bộ cơ quan)	200			
1	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	20			Kế hoạch
1.1	Triển khai học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng theo kế hoạch của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, thành phố (<i>thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định</i>)	10			
1.2	Triển khai chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản của ngành Nội vụ (<i>triển khai thực hiện đạt kết quả tốt</i>)	10			
2	Thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (<i>có ban hành văn bản và triển khai thực hiện; nếu có tập thể hoặc cá nhân lò công chức, viên chức người lao động bị thanh tra, điều tra liên quan đến tham nhũng trừ 10 điểm đến hết điểm chuẩn của tiêu chí</i>)	20			Kế hoạch và Báo cáo kết quả
3	Ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ (<i>có ban hành văn bản và triển khai thực hiện</i>)	20			Quy chế
4	Kết quả xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các đoàn thể vững mạnh, xuất sắc (<i>tổ chức Đảng, đoàn thể có văn bản bị phê bình, nhắc nhở trừ 10 điểm đến hết điểm chuẩn của</i>	20			Kết quả xếp loại của Đảng ủy Khối các cơ quan và các đoàn thể

	<i>tiêu chí)</i>				
5	Thực hiện công tác dân vận, dân vận chính quyền và quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở (<i>có ban hành quy chế, triển khai thực hiện đạt kết quả tốt</i>)	20			Kế hoạch và báo cáo kết quả triển khai thực hiện
6	<i>Giải quyết thủ tục hành chính một cửa</i>	30			Báo cáo kết quả giải quyết TTHC
6.1	100% hồ sơ một cửa được giải quyết đúng và sớm hẹn	30			
6.2	Từ 95% đến dưới 100% hồ sơ một cửa được giải quyết đúng và sớm hẹn	25			
6.3	Từ 90% đến dưới 95% hồ sơ một cửa được giải quyết đúng và sớm hẹn	15			
6.4	Từ 85% đến dưới 90% hồ sơ một cửa được giải quyết đúng và sớm hẹn	10			
6.5	Dưới 85% hồ sơ một cửa được giải quyết đúng và sớm hẹn	0			
7	<i>Đơn vị có triển khai kiểm tra các đơn vị trực thuộc hàng năm</i>	20			Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và Báo cáo kết quả kiểm tra
7.1	Có triển khai kiểm tra tất cả các đơn vị	20			
7.2	Có triển khai kiểm tra nhưng không đầy đủ	10			
7.3	Không kiểm tra	0			
8	<i>Đơn vị có ban hành và triển khai Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác</i>	20			Kế hoạch, Văn bản triển khai của đơn vị
8.1	Đối với các đơn vị không có điều kiện chuyển đổi vị trí công tác nhưng trong năm đã có văn bản báo cáo lý do chính đáng được tính đủ điểm.	20			
8.2	Đối với các đơn vị không xây dựng kế hoạch nhưng vẫn thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: trừ 2 điểm.	18			
8.3	Đối với các đơn vị có điều kiện chuyển đổi vị trí công tác, có xây dựng kế hoạch nhưng không	17			

	thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: trừ 3 điểm.				
9	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, hội họp	10			Các báo cáo
10	Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các hội nghị trong năm do Cụm tổ chức	10			Kết quả theo dõi của Cụm trưởng, Cụm phó
11	Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất, các văn bản tham gia ý kiến đầy đủ, đúng hạn theo quy định (<i>mỗi báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định nộp chậm 01 ngày trừ 0,5 điểm đến hết điểm chuẩn của tiêu chí</i>)	10			Các báo cáo
III	Điểm thưởng	50			
1	Các thành viên trong Cụm có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong việc tổ chức phong trào thi đua, đem lại hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ	15			
2	Các thành viên trong Cụm có Kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện cải cách hành chính và được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC tỉnh đánh giá, xếp loại nằm trong nhóm Tốt (Nhóm 3) của Khối các sở, ngành của tỉnh	15			
3	Các thành viên trong Cụm có gương Điển hình tiên tiến là người lao động trực tiếp được khen thưởng cấp Nhà nước (<i>mỗi trường hợp tính 01 điểm, tối đa không quá điểm chuẩn của tiêu chí này</i>)	10			
4	Các thành viên trong Cụm trong năm có các cá nhân, tập thể được cấp bộ, ngành khen thưởng chuyên đề, đột xuất	10			
	ĐIỂM TỔNG (I+II+III)	1000			

